

Quy Nhơn, ngày 07 tháng 3 năm 2023

BÁO CÁO
CỦA TỔNG GIÁM ĐỐC ĐIỀU HÀNH TẠI ĐHCĐ THƯỜNG NIÊN
NĂM 2023

Thực hiện Kế hoạch sản xuất kinh doanh và đầu tư xây dựng năm 2022 của Công ty cổ phần thủy điện Vĩnh Sơn – Sông Hình đã được Đại hội đồng Cổ đông thường niên năm 2022 thông qua (Nghị quyết số 403/NQ-VSH-ĐHCĐ ngày 21/4/2022) và các Nghị quyết của Hội đồng quản trị trong năm 2022. Qua một năm triển khai thực hiện, kết quả đạt được như sau:

A. Về sản xuất kinh doanh:

I. Đánh giá tình hình thực hiện nhiệm vụ kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2022:

Bảng số 01:

TT	TÌNH HÌNH THỦY VĂN (Đến ngày 31/12/2021)	
I	Nhà máy Vĩnh Sơn	
	Lưu lượng nước về bình quân (m ³ /s)	13,69 m ³ /s
	Mực nước Hồ A (m)	775/ 775 m
	Mực nước Hồ B (m)	826/ 826 m
	Mực nước Hồ C (m)	981/ 981 m
	Tổng dung tích tồn (triệu m ³)	141,90 triệu m ³ , đạt 100% dung tích hữu ích
II	Nhà máy Sông Hình	
	Lưu lượng nước về bình quân (m ³ /s)	69,74 m ³ /s
	Mực nước Hồ (m)	209/ 209 m
	Tổng dung tích tồn (triệu m ³)	323,35 triệu m ³ , đạt 100% dung tích hữu ích
III	Nhà máy Thượng KonTum	
	Lưu lượng nước về bình quân (m ³ /s)	24,35 m ³ /s
	Mực nước Hồ (m)	1.160/ 1.160 m
	Tổng dung tích tồn (triệu m ³)	103,04 triệu m ³ , đạt 100% dung tích hữu ích

Kết quả thực hiện các chỉ tiêu SXKD năm 2022 của Công ty như sau:

1. Về doanh thu sản xuất kinh doanh điện:

Bảng số 02-VSSH: Các chỉ tiêu kinh tế đạt được năm 2022 Nhà máy Vĩnh Sơn – Sông Hình

Stt	Chỉ tiêu	Kế hoạch năm 2022 (VSSH)	Thực hiện năm 2022 (VSSH)	Thực hiện năm 2021 (VSSH)	So với kế hoạch năm (%)	So với cùng kỳ (%)
	(1)	(2)	(3)	(4)	(5)=(3)/(2)	(6)=(3)/(4)
1	Điện sản xuất (tr kwh)	759,11	1.025,47	805,63	135,09	127,29
2	Điện thương phẩm (tr kwh)	750,00	1.015,54	795,77	135,41	127,62
3	Doanh thu (tỷ đồng)	549,66	896,30	586,50	163,06	152,82
3.1	Doanh thu từ sản xuất điện (tỷ đồng)	544,36	890,40	583,09	163,57	152,70
3.2	Doanh thu từ hoạt động tài chính và dịch vụ khác (tỷ đồng)	5,30	5,90	3,41	111,25	172,90
4	Tổng chi phí (tỷ đồng)	276,67	431,68	277,34	156,02	155,65
4.1	Chi phí sản xuất điện (tỷ đồng)	274,33	328,22	271,25	119,64	121,00
4.2	Chi phí tài chính và khác (tỷ đồng)	2,35	103,46	6,09	4.408,18	1.698,85
5	Lợi nhuận trước thuế (tỷ đồng)	272,99	464,62	309,16	170,20	150,29
6	Lợi nhuận sau thuế (tỷ đồng)	218,39	349,63	245,40	160,10	142,47

Bảng số 03- TKT: Chỉ tiêu kinh tế đạt được năm 2022 Nhà máy Thượng KonTum

Stt	Chỉ tiêu	Kế hoạch năm 2022 (TKT)	Thực hiện năm 2022 (TKT)	Thực hiện năm 2021 (TKT)	So với kế hoạch năm (%)	So với cùng kỳ (%)
	(1)	(2)	(3)	(4)	(5)=(3)/(2)	(6)=(3)/(4)
1	Điện sản xuất (tr kwh)	1.098,12	1.590,68	986,01	144,85	161,32
2	Điện thương phẩm (tr kwh)	1.080,00	1.571,38	975,50	145,50	161,08
3	Doanh thu (tỷ đồng)	1.480,70	2.198,31	1.035,52	148,46	212,29
3.1	Doanh thu từ sản xuất điện (tỷ đồng)	1.480,70	2.194,24	1.028,21	148,19	213,40
3.2	Doanh thu từ hoạt động tài chính và dịch vụ khác (tỷ đồng)	-	4,08	7,31	-	55,75
4	Tổng chi phí (tỷ đồng)	1.173,84	1.283,10	893,65	109,31	143,58
4.1	Chi phí sản xuất điện (tỷ đồng)	727,42	811,32	570,35	111,53	142,25
4.2	Chi phí tài chính và khác (tỷ đồng)	446,42	471,78	323,30	105,68	145,93
5	Lợi nhuận trước thuế (tỷ đồng)	306,86	915,21	141,87	298,25	645,11
6	Lợi nhuận sau thuế (tỷ đồng)	306,86	915,21	141,87	298,25	645,11

Bảng số 04 VSSH-TKT: Chỉ tiêu kinh tế đạt được năm 2022 Nhà máy Vĩnh Sơn – Sông Hình và Thượng Kon Tum

Stt	Chỉ tiêu	Kế hoạch năm 2022 (VSSH-TKT)	Thực hiện năm 2022 (VSSH-TKT)	Thực hiện năm 2021 (VSSH-TKT)	So với kế hoạch năm (%)	So với cùng kỳ (%)
	(1)	(2)	(3)	(4)	(5)=(3)/(2)	(6)=(3)/(4)
1	Điện sản xuất (tr kwh)	1.857,23	2.616,15	1.791,64	140,86	146,02
2	Điện thương phẩm (tr kwh)	1.830,00	2.586,93	1.771,27	141,36	146,05
3	Doanh thu (tỷ đồng)	2.030,36	3.094,61	1.622,02	152,42	190,79
3.1	Doanh thu từ sản xuất điện (tỷ đồng)	2.025,06	3.084,64	1.611,30	152,32	191,44
3.2	Doanh thu từ hoạt động tài chính và dịch vụ khác (tỷ đồng)	5,30	9,97	10,72	188,13	93,01
4	Tổng chi phí (tỷ đồng)	1.450,52	1.714,77	1,170,99	118,22	146,44
4.1	Chi phí sản xuất điện (tỷ đồng)	1.001,75	1.139,54	841,60	113,76	135,40
4.2	Chi phí tài chính và khác (tỷ đồng)	448,77	575,24	329,39	128,18	174,64
5	Lợi nhuận trước thuế (tỷ đồng)	579,84	1.379,83	451,03	237,97	305,93
6	Lợi nhuận sau thuế (tỷ đồng)	525,24	1.264,84	387,27	240,81	326,61

2. Về giảm chi phí sản xuất kinh doanh:

Triển khai thực hiện đồng bộ các giải pháp tối ưu hóa chi phí trong công tác đấu thầu, mua sắm vật tư thiết bị, rà soát các định mức vật tư thiết bị theo đúng quy trình, quy định, số lượng, chủng loại phù hợp với nhu cầu sử dụng, không để tình trạng thừa vật tư sau sửa chữa. Đối với vật tư, thiết bị thu hồi còn sử dụng được, ưu tiên đưa vào bảo dưỡng, tái sử dụng trong quá trình sửa chữa lớn nhằm tiết giảm tối đa chi phí sửa chữa lớn (SCL).

Tiết kiệm triệt để chế độ hội nghị, công tác phí, tiếp khách, sử dụng trang bị, điện thoại, mua sắm, sửa chữa trang thiết bị, quản lý phương tiện vận tải, chi phí văn phòng phẩm, bảo hộ lao động, an ninh quốc phòng, công nghệ thông tin...

Tiến hành đánh giá, thanh xử lý VTTB tồn đọng, kém, mất phẩm chất nhằm giảm giá trị hàng tồn kho.

Thực hiện nghiêm túc, triệt để quy trình vận hành thiết bị trạm, đường dây, MBA, tránh các tổn thất điện năng do nguyên nhân khách quan và chủ quan gây ra ngay từ đầu năm nhằm đảm bảo thực hiện tốt các chỉ tiêu.

3. Công tác sáng kiến, cải tiến kỹ thuật:

Trong năm 2022 đã triển khai thực hiện, nghiệm thu được 20 sáng kiến cải tiến hợp lý hóa sản xuất góp phần nâng cao hiệu quả sản xuất kinh doanh điện của Công ty.

4. Công tác An toàn lao động, vệ sinh lao động, PCCN, bảo vệ môi trường:

Công ty tổ chức thực hiện tốt các quy định về an toàn lao động, vệ sinh lao động, PCCN nên trong năm 2022 không có tai nạn lao động và sự cố cháy nổ. Thực hiện tốt công tác kiểm soát môi trường, quản lý chất thải nguy hại đúng quy định.

II. Mục tiêu, phương hướng và giải pháp triển khai thực hiện kế hoạch kinh doanh năm 2023:

Lượng nước tồn trong các hồ chứa của 3 nhà máy vào cuối năm 2022 đều tích đạt dung tích thiết kế (đến MNDBT) và căn cứ dự báo lưu lượng nước về các hồ chứa trong năm 2023 để lập Kế hoạch SXKD đạt hiệu quả cao nhất.

Năm 2023 là năm tập trung thực hiện thi đua thắng lợi nhiệm vụ SXKD với chủ đề “**Thực hành tiết kiệm, chống lãng phí**”. Tập trung thực hiện theo chủ đề năm, phát huy những thuận lợi về mặt cơ sở vật chất, kỹ thuật, hạ tầng kỹ thuật, nguồn nhân lực hiện có, cải thiện điều kiện làm việc, thực hành tiết kiệm, chống tham nhũng, lãng phí.

Nâng cao hiệu quả công tác quản trị, thực hiện tốt công tác cán bộ, quản lý và sử dụng lao động tối ưu, đào tạo phát triển nguồn nhân lực. Tiếp tục quán triệt tối ưu hoá chi phí sản xuất trên cơ sở kết quả thực hiện chỉ tiêu sản xuất kinh doanh năm 2022, Ban điều hành sẽ chỉ đạo thực hiện đồng bộ các giải pháp để tăng trưởng sản xuất kinh doanh, xây dựng chiến lược tối ưu hoá dòng tiền. Thực hiện các giải pháp phù hợp để tiết giảm giá trị hàng tồn kho, chi phí SCL, dịch vụ mua ngoài và các chi phí khác bằng tiền.

Tập trung nâng cao chất lượng đào tạo, tiếp tục hoàn thiện hệ thống quy chế, quy định về quản lý và điều hành nội bộ của Công ty. Tiếp tục triển khai thực hiện Quy chế dân chủ cơ sở, đảm bảo việc làm, thu nhập, các chế độ, chính sách, chăm lo sức khỏe và đời sống cho người lao động. Triển khai, xây dựng đồng bộ quan hệ lao động hài hoà, giải quyết kịp thời các mâu thuẫn, tranh chấp phát sinh trong quá trình lao động. Phát huy tinh thần dân chủ, đoàn kết nội bộ, minh bạch trong sản xuất kinh doanh. Tăng cường kỷ cương, kỷ luật lao động và các biện pháp để đảm bảo trong công tác ATLĐ, VSCN, PCCN và kiểm soát ô nhiễm môi trường.

Đẩy mạnh các giải pháp và đồng bộ tối ưu hoá nguồn lực trong công tác vận hành thị trường điện, đảm bảo đáp ứng tốt tất cả các giai đoạn của Thị trường điện Việt Nam, cố gắng đạt doanh thu cao nhất trong thị trường.

Tham gia thị trường điện có hiệu quả, đảm bảo đạt vượt mức chỉ tiêu kế hoạch doanh thu thị trường, lợi nhuận sản xuất điện mà Ban điều hành đã đề xuất.

Tiếp tục triển khai các nhiệm vụ chuyên đổi số đạt chất lượng theo kế hoạch.

Chủ động thực hiện công tác truyền thông, an sinh xã hội nhằm xây dựng hình ảnh một doanh nghiệp có trách nhiệm với cộng đồng và xã hội.

Tăng cường năng lực cán bộ và cơ sở vật chất kỹ thuật, đảm bảo tối ưu cho công tác vận hành các hồ chứa, sẵn sàng ứng phó trước những biến đổi khó lường của khí hậu. Điều tiết hợp lý nguồn nước giữa các hồ, đảm bảo hài hòa, hợp lý giữa công tác sản xuất điện và cấp nước cho hạ du vào mùa kiệt.

Nâng cao chất lượng vận hành và quản lý kỹ thuật, đảm bảo đạt hệ số khả dụng kế hoạch. Giảm thiểu tối đa, không để xảy ra sự cố chủ quan trong năm, phân đầu đáp ứng 100% khả năng nhu cầu huy động của hệ thống điện quốc gia.

Tình hình thủy văn:

Bảng số 05:

TT	TÌNH HÌNH THỦY VĂN (Đến ngày 31/12/2022)	
1.	Nhà máy Vĩnh Sơn	
	Lưu lượng nước về bình quân (m ³ /s)	19,93 m ³ /s
	Mức nước Hồ A (m)	775,28/ 775 m
	Mức nước Hồ B (m)	826,31/ 826 m
	Mức nước Hồ C (m)	981,19/ 981 m
	Tổng dung tích tồn (triệu m ³)	141,99 triệu m ³ , đạt 100% dung tích hữu ích
2.	Nhà máy Sông Hình	
	Lưu lượng nước về bình quân (m ³ /s)	81,11 m ³ /s
	Mức nước Hồ (m)	209/ 209 m
	Tổng dung tích tồn (triệu m ³)	323,53 triệu m ³ , đạt 100% dung tích hữu ích
3.	Nhà máy Thượng Kon Tum	
	Lưu lượng nước về bình quân (m ³ /s)	29,79 m ³ /s
	Mức nước Hồ (m)	1.160,00/ 1.160 m
	Tổng dung tích tồn (triệu m ³)	103,04 triệu m ³ , đạt 100% dung tích hữu ích

Căn cứ vào tình hình thủy văn cuối năm 2022 và dự báo lưu lượng nước về trong năm 2023, Ban điều hành lập Kế hoạch SXKD năm 2023 như sau:

Bảng số 06 VSSH: Kế hoạch SXKD Năm 2023 Nhà máy Vĩnh Sơn - Sông Hình

Stt	Chỉ tiêu	Kế hoạch năm 2022 (VSSH)	Thực hiện năm 2022 (VSSH)	Kế hoạch năm 2023 (VSSH)	So với thực hiện năm 2022(%)
	(1)	(2)	(3)	(4)	(5)=(4)/(3)
1	Điện sản xuất (tr kwh)	759,11	1.025,47	860,33	83,90
2	Điện thương phẩm (tr kwh)	750,00	1.015,54	850,00	83,70
3	Doanh thu (tỷ đồng)	549,66	896,30	777,70	86,77

3.1	Doanh thu từ sản xuất điện (tỷ đồng)	544,36	890,40	772,20	86,72
3.2	Doanh thu từ hoạt động tài chính và dịch vụ khác (tỷ đồng)	5,30	5,90	5,50	93,28
4	Tổng chi phí (tỷ đồng)	276,67	431,68	289,70	67,11
4.1	Chi phí sản xuất điện (tỷ đồng)	274,33	328,22	284,88	86,80
4.2	Chi phí tài chính và khác (tỷ đồng)	2,35	103,46	4,81	4,65
5	Lợi nhuận trước thuế (tỷ đồng)	272,99	464,62	488,00	105,03
6	Lợi nhuận sau thuế (tỷ đồng)	218,39	349,63	390,40	111,66

Bảng số 07 TKT: Kế hoạch SXKD Năm 2022 Thượng KonTum

Stt	Chỉ tiêu	Kế hoạch năm 2022 (TKT)	Thực hiện năm 2022 (TKT)	Kế hoạch năm 2023 (TKT)	So với thực hiện năm 2022(%)
	(1)	(2)	(3)	(4)	(5)=(4)/(3)
1	Điện sản xuất (tr kwh)	1.098,12	1.590,68	1.303,51	81,95
2	Điện thương phẩm (tr kwh)	1.080,00	1.571,38	1.282,00	81,58
3	Doanh thu (tỷ đồng)	1.480,70	2.198,31	1.679,75	76,41
3.1	Doanh thu từ sản xuất điện (tỷ đồng)	1.480,70	2.194,24	1.679,75	76,55
3.2	Doanh thu từ hoạt động tài chính và dịch vụ khác (tỷ đồng)	-	4,08	-	0,00
4	Tổng chi phí (tỷ đồng)	1.173,84	1.283,10	1.214,04	94,62
4.1	Chi phí sản xuất điện (tỷ đồng)	727,42	811,32	772,55	95,22
4.2	Chi phí tài chính và khác (tỷ đồng)	446,42	471,78	441,49	93,58
5	Lợi nhuận trước thuế (tỷ đồng)	306,86	915,21	465,71	50,89
6	Lợi nhuận sau thuế (tỷ đồng)	306,86	915,21	465,71	50,89

Bảng số 08 VSSH-TKT: Kế hoạch SXKD Năm 2022 Nhà máy Vĩnh Sơn – Sông Hinh và Thượng KonTum

Stt	Chỉ tiêu	Kế hoạch năm 2022 (VSSH-TKT)	Thực hiện năm 2022 (VSSH-TKT)	Kế hoạch năm 2023 (VSSH-TKT)	So với thực hiện năm 2022(%)
	(1)	(2)	(3)	(4)	(5)=(4)/(3)
1	Điện sản xuất (tr kwh)	1.857,23	2.616,15	2.163,84	82,71
2	Điện thương phẩm (tr kwh)	1.830,00	2.586,93	2.132,00	82,41
3	Doanh thu (tỷ đồng)	2.030,36	3.094,61	2.457,45	79,41
3.1	Doanh thu từ sản xuất điện (tỷ đồng)	2.025,06	3.084,64	2.451,95	79,49

3.2	Doanh thu từ hoạt động tài chính và dịch vụ khác (tỷ đồng)	5,30	9,97	5,50	55,16
4	Tổng chi phí (tỷ đồng)	1.450,52	1.714,77	1.503,74	87,69
4.1	Chi phí sản xuất điện (tỷ đồng)	1.001,75	1.139,54	1.057,43	92,79
4.2	Chi phí tài chính và khác (tỷ đồng)	448,77	575,24	446,31	77,59
5	Lợi nhuận trước thuế (tỷ đồng)	579,84	1.379,83	953,71	69,12
6	Lợi nhuận sau thuế (tỷ đồng)	525,24	1.264,84	856,11	67,69

B. Công tác chuẩn bị đầu tư các Dự án nâng cấp, mở rộng 02 NM thủy điện Vĩnh Sơn và thủy điện Sông Hinh, như sau:

I. Nhà máy thủy điện Vĩnh Sơn.

1. Dự án Vĩnh Sơn mở rộng:

Tên Dự án: Dự án nhà máy thủy điện Vĩnh Sơn mở rộng.

Quy mô Dự án:

Công suất lắp máy (Nlm): 40MW

Số tổ máy: 02 tổ

Điện lượng tăng thêm: 25,94 triệu kWh/năm

TMĐT sơ bộ: 791,39 tỷ đồng.

Hiệu quả đầu tư:

Đối với Dự án NMTĐ Vĩnh Sơn mở rộng, vai trò chủ yếu là phủ đỉnh biểu đồ phụ tải, chuyển điện lượng trong các giờ thấp điểm, bình thường (có giá trị thấp) sang điện lượng trong các giờ cao điểm (có giá trị cao). Chênh lệch điện năng này chính là hiệu quả của công trình khi áp dụng biểu giá chi phí tránh được.

Kết quả tính toán của Tư vấn cho thấy Dự án NMTĐ Vĩnh Sơn mở rộng khả thi về mặt kinh tế, có hiệu quả về mặt tài chính.

Tiến độ thực hiện năm 2022:

- Tháng 7/2022: Hoàn thành lập bổ sung quy hoạch
- VSH trình Bộ Công thương và Thủ tướng Chính phủ bổ sung vào Quy hoạch điện VIII, tại Tờ trình số 992/TTr-VSH-KHĐT ngày 02/8/2022.
- Ngày 16/12/2022, Bộ Công thương tiếp tục trình Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án Quy hoạch phát triển điện lực quốc gia thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050 (tại Tờ trình số 8129/TTr-BCT); có quy hoạch Dự án Vĩnh Sơn mở rộng công suất 40MW.
- Dự kiến Quy hoạch điện VIII sẽ được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt vào đầu Quý 2 năm 2023.
- Sau khi Quy hoạch điện VIII được Thủ tướng phê duyệt, VSH sẽ tiếp tục thực hiện chuẩn bị đầu tư dự án theo quy định.

Thời gian thực hiện Dự án: 03 năm (kể cả công tác chuẩn bị).

2. Dự án nâng MNDBT hồ B lên 2,5m:

Tên Dự án: Nâng mực nước dâng bình thường (MNDBT) hồ B – NM VĨNH SƠN.

Quy mô Dự án:

- Nâng MNDBT hồ B lên 2.5m
- Bỏ đập sự cố B2 kiểu nổ mìn
- TMĐT sơ bộ: 44,5 tỷ đồng.

Hiệu quả đầu tư:

- Tăng thêm sản lượng điện hàng năm khoảng 15,36 triệu kWh.
- Thuận tiện trong công tác quản lý, vận hành công trình.

Tiến độ thực hiện năm 2022:

- Tháng 5/2022: Hoàn thành lập bổ sung quy hoạch
- Tháng 7/2022: Hoàn thành thẩm tra hồ sơ bổ sung quy hoạch
- Tháng 8/2022: Trình Bộ Công thương phê duyệt bổ sung quy hoạch
- Ngày 05/01/2023, VSH đã có văn bản số 0005/VSH-KHĐT báo cáo cáo UBND tỉnh Gia Lai theo chỉ đạo của Cục Điện lực và Năng lượng tái tạo. Ngày 10/01/2023, Ban điều hành cũng đã cử cán bộ làm việc và giao nộp hồ sơ dự án với Sở Công thương tỉnh Kon Tum và sẽ tiếp tục làm việc với các Sở ngành và UBND tỉnh Gia Lai về các vấn đề liên quan đến dự án.
- Ngày 13/01/2023, UBND tỉnh Gia Lai đã có văn bản số 108/VP-CNXD giao Sở Công thương chủ trì giải quyết. Ngày 30/01/2023, Sở Công thương tỉnh Gia Lai cũng đã có văn bản số 94/SCT-KTAT gửi lấy ý kiến các Sở, ngành và UBND huyện Kbang về Dự án nâng MNDBT hồ B thủy điện Vĩnh Sơn do VSH trình. Công ty VSH đang phối hợp để cung cấp đầy đủ hồ sơ và làm việc với các cơ quan của tỉnh Gia Lai.

Thời gian thực hiện Dự án là 02 năm (kể cả công tác chuẩn bị).

II. NMTĐ Sông Hinh - Dự án thủy điện Sông Hinh mở rộng.

Tên Dự án: Dự án nhà máy thủy điện Sông Hinh mở rộng.

Quy mô Dự án:

Công suất lắp máy (Nlm): 70MW
Số tổ máy: 02 tổ
Điện lượng tăng thêm: 71,21 triệu kWh/năm
TMĐT sơ bộ: 1.313 tỷ đồng.

Hiệu quả đầu tư:

Đối với Dự án NMTĐ Sông Hinh mở rộng, vai trò chủ yếu là phủ đỉnh biểu đồ phụ tải, chuyên điện lượng trong các giờ thấp điểm, bình thường (có giá trị thấp) sang điện lượng trong các giờ cao điểm (có giá trị cao). Chênh lệch điện

năng này chính là hiệu quả của công trình khi áp dụng biểu giá chi phí tránh được.

Kết quả tính toán của Tư vấn cho thấy Dự án NMTĐ Sông Hinh mở rộng khả thi về mặt kinh tế, có hiệu quả về mặt tài chính.

Tiến độ thực hiện năm 2022:

- Tháng 7/2022: Hoàn thành lập bổ sung quy hoạch
- VSH trình Bộ Công thương và Thủ tướng Chính phủ bổ sung vào Quy hoạch điện VIII, tại Tờ trình số 992/TTr-VSH-KHĐT ngày 02/8/2022.
- Ngày 16/12/2022, Bộ Công thương tiếp tục trình Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án Quy hoạch phát triển điện lực quốc gia thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050 (tại Tờ trình số 8129/TTr-BCT); có quy hoạch Dự án Sông Hinh mở rộng công suất 70MW.
- Dự kiến Quy hoạch điện VIII sẽ được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt vào đầu Quý 2 năm 2023.
- Sau khi Quy hoạch điện VIII được Thủ tướng phê duyệt, VSH sẽ tiếp tục thực hiện chuẩn bị đầu tư dự án theo quy định.

Thời gian thực hiện Dự án: 03 năm (kể cả công tác chuẩn bị).

III. Kế hoạch đầu tư năm 2023.

Trên cơ sở yêu cầu nhiệm vụ, dự kiến kế hoạch đầu tư trong năm 2023 như sau:

STT	Nội dung công việc	Ghi chú
1	Nâng MNDBT hồ B- Thủy điện Vĩnh Sơn	
1.1	Lập Báo cáo nghiên cứu khả thi (Dự án đầu tư)	Bao gồm cả công tác khảo sát địa hình, địa chất
1.2	Lập báo cáo đánh giá tác động môi trường	
2	Thủy điện Vĩnh Sơn mở rộng	
2.1	Lập Báo cáo nghiên cứu khả thi (Dự án đầu tư)	Bao gồm cả công tác khảo sát địa hình, địa chất
2.2	Lập báo cáo đánh giá tác động môi trường	
3	Thủy điện Sông Hinh mở rộng	
3.1	Lập Báo cáo nghiên cứu khả thi (Dự án đầu tư)	Bao gồm cả công tác khảo sát địa hình, địa chất
3.2	Lập báo cáo đánh giá tác động môi trường	

III. Tình hình tài chính:

Năm 2022 dưới sự chỉ đạo của Hội đồng quản trị, tập thể Ban điều hành và người lao động Công ty đã nỗ lực cố gắng thực hiện tốt nhiệm vụ được giao để hoàn thành vượt mức kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2022. Theo đó, tình hình tài chính của Công ty đã được cải thiện đáng kể so với năm 2021.

1. Các chỉ tiêu về tình hình tài chính năm 2022:

Theo Báo cáo tài chính năm 2022 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Ernst & Young Việt Nam, các chỉ tiêu tài chính thể hiện tình hình tài chính của Công ty đã được cải thiện so với năm 2021:

<i>STT</i>	<i>Chỉ tiêu</i>	<i>Đvt</i>	<i>Năm 2022</i>	<i>Năm 2021</i>	<i>Chênh lệch 2022/2021</i>
<i>a</i>	<i>b</i>	<i>c</i>	<i>d</i>	<i>e</i>	<i>f=d-e</i>
1	Tổng tài sản	Tỷ đồng	9.710,32	10.016,61	-306,30
2	Vốn chủ sở hữu	Tỷ đồng	5.026,37	4.010,45	1.015,92
3	ROE (Tỷ suất LN sau thuế/Vốn CSH)	%	27,99%	10,55%	17,44%
4	ROA (Tỷ suất LN sau thuế/Tổng tài sản)	%	12,82%	3,93%	8,89%
5	Tổng nợ phải trả trong đó:	Tỷ đồng	4.683,95	6.006,16	-1.322,21
	Nợ ngắn hạn	Tỷ đồng	567,66	877,41	-309,75
	Nợ dài hạn	Tỷ đồng	4.116,28	5.128,75	-1.012,47
6	Hệ số nợ /Vốn CSH	Lần	0,93	1,50	-0,57
7	Tỷ lệ thanh toán hiện hành (TSNH/Nợ NH)	Lần	1,89	0,79	1,10
8	Tỷ lệ thanh toán nhanh (TSNH-HTK)/Nợ NH	Lần	1,71	0,67	1,04
9	Giá trị sổ sách	đồng/CP	21.276	16.976	4.300
10	EPS /Thu nhập mỗi cổ phiếu	đồng/CP	5.354	1.609	3.745

Khả năng thanh toán nợ đến hạn năm 2022 của Công ty là 1,89 tăng 1,1 so với năm 2021;

Hệ số nợ phải trả trên vốn chủ sở hữu của Công ty là 0,93 giảm 0,57 so với năm 2021.

Giá trị sổ sách của cổ phiếu VSH tại ngày 31/12/2022: 21.276 đồng/Cổ phiếu (Ngày 31/12/2021: 16.976 đồng/Cổ phiếu); giá trị thị trường của cổ phiếu VSH tại ngày 31/12/2022: 31.600 đồng/Cổ phiếu (Ngày 31/12/2021: 28.700 đồng/Cổ phiếu).

Năm 2022 Công ty đã thực hiện chi 10% cổ tức bằng tiền mặt cho các cổ đông theo Nghị quyết số 403/NQ-VSH-ĐHĐCĐ ngày 21/4/2022 của Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022.

Để tối ưu hóa chi phí sản xuất kinh doanh, Công ty đã thực hiện mua lại trước hạn 405 trái phiếu (VSH_BOND_2019) trị giá 405 tỷ đồng đã phát hành năm 2019.

2. Kế hoạch tài chính năm 2023

Cùng với kế hoạch đẩy mạnh công tác vận hành an toàn, hiệu quả các nhà máy điện; chào giá bán điện phù hợp với tình hình thị trường điện cạnh tranh;

Công ty lập kế hoạch đàm phán với các Ngân hàng để được giảm lãi suất vay, tối ưu hóa lợi nhuận.

Tiếp tục công tác đàm phán giá điện Nhà máy Thượng Kon Tum theo giá trị quyết toán nhằm nâng cao hiệu quả SXKD và đảm bảo nguồn vốn thanh toán nợ vay.

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc Công ty cổ phần thủy điện Vĩnh Sơn – Sông Hinh xin chân thành cảm ơn Quý vị đại biểu, Quý vị cổ đông và các thành viên Hội đồng quản trị trong thời gian qua đã có nhiều đóng góp, chỉ đạo Ban điều hành để Công ty vượt qua khó khăn, đảm bảo sản xuất kinh doanh ổn định và đạt hiệu quả cao.

Xin trân trọng cảm ơn!

TỔNG GIÁM ĐỐC



Nguyễn Văn Thanh